

Số: 38 /KH-UBND

Hương An, ngày 11 tháng 04 năm 2024

KẾ HOẠCH
Thực hiện Công tác giảm nghèo bền vững năm 2024
trên địa bàn phường Hương An

Thực hiện Kế hoạch 34-KH/TU ngày 31/12/2021 của Thành ủy Triển khai thực hiện Nghị quyết 11-NQ/TU ngày 03/11/2021 của Tỉnh ủy “Về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025”; Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 21/8/2023 của HĐND tỉnh quy định các chính sách hỗ trợ giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2023-2025; Kế hoạch số 2299/KH-UBND ngày 08/4/2022 của UBND thành phố Huế thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn thành phố Huế;

Thực hiện Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 03/01/2024 của Ủy ban Nhân dân (UBND) tỉnh Thực hiện Công tác giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ kế hoạch 672 / KH-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Huế về thực hiện công tác giảm nghèo 2024;

UBND phường Hương An ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa bàn phường Hương An như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu: Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững; hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo mới; hỗ trợ người nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản. Nâng cao chất lượng cuộc sống, cải thiện điều kiện sống của người nghèo. Ưu tiên giảm nghèo các xã có lộ trình phân đầu xây dựng nông thôn mới; chú trọng công tác đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm và đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động. Huy động nguồn lực hỗ trợ nhà ở và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Các kết quả và chỉ tiêu chủ yếu cần đạt

a) Phân đầu hộ nghèo toàn Phường đến cuối năm 2024 giảm 01 hộ theo chỉ tiêu giảm hộ nghèo phân bổ của Thành phố là không có, và 15 hộ cận nghèo trong năm 2024 (đính kèm Phụ lục chỉ tiêu phân đầu giảm nghèo các địa phương năm 2024).

b) Hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội liên kết vùng, phục vụ dân sinh, sản xuất, thương mại, lưu thông hàng hóa và cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản như: đường giao thông, trường học, cơ sở y tế, cầu, hạ tầng điện, công trình thủy lợi.

c) Hỗ trợ xây dựng, nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo nhằm phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo sinh kế, việc làm, thu nhập bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

d) Hỗ trợ tư vấn học nghề, giới thiệu việc làm tại địa phương, trong tỉnh, trong nước và đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số có nhu cầu.

II. TIÊU CHÍ VÀ CHUẨN NGHÈO ĐA CHIỀU; CHUẨN HỘ CÓ MỨC SỐNG TRUNG BÌNH; ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI RÀ SOÁT

1. Tiêu chí và chuẩn nghèo đa chiều

Tiêu chí và chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo thực hiện theo quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025, cụ thể như sau:

1.1. Các tiêu chí đo lường nghèo đa chiều

1.1.1. Tiêu chí thu nhập bình quân đầu người (gọi là điểm A):

2.000.000 đồng/người/tháng tương đương với 175 điểm.

1.1.2. Tiêu chí mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (gọi là điểm B): 10 điểm tương đương với 01 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

STT	Dịch vụ xã hội cơ bản	Chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản
1	Việc làm	(1) Việc làm
		(2) Người phụ thuộc trong hộ gia đình
2	Y tế	(3) Dinh dưỡng
		(4) Bảo hiểm y tế
3	Giáo dục	(5) Trình độ giáo dục của người lớn
		(6) Tình trạng đi học của trẻ em
4	Nhà ở	(7) Chất lượng nhà ở
		(8) Diện tích nhà ở bình quân đầu người
5	Nước sinh hoạt và vệ sinh	(9) Nguồn nước sinh hoạt
		(10) Nhà tiêu hợp vệ sinh
6	Thông tin	(11) Sử dụng dịch vụ viễn thông
		(12) Phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin

1.2. Chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình

1.2.1 Chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo

STT	Chuẩn	Mức thu nhập bình quân; chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản
------------	--------------	---

1	Hộ nghèo	Hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên. Tương ứng mức điểm: $A \leq 175$ điểm và $B \geq 30$ điểm
2	Hộ cận nghèo	Hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản. Tương ứng mức điểm: $A \leq 175$ điểm và $B < 30$ điểm

1.2.2. Chuẩn hộ có mức sống trung bình

STT	Chuẩn	Mức thu nhập bình quân
1	Hộ có mức sống trung bình	Hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng

2. Đối tượng, phạm vi rà soát

2.1. Đối tượng rà soát

Toàn bộ hộ gia đình có tên trong danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 do UBND phường đang quản lý;

Một số hộ gia đình không thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo nhưng có đơn đề nghị rà soát hoặc địa phương chủ động phát hiện thấy hộ gia đình gặp khó khăn, biến cố rủi ro trong năm có khả năng rơi vào diện hộ nghèo, hộ cận nghèo.

Lưu ý: Ngoài các điều kiện để nhận diện nhanh hộ gia đình không thuộc đối tượng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo quy định tại Phiếu A - Nhận dạng nhanh hộ gia đình - Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH, căn cứ thực trạng đời sống và công tác quản lý dân cư tại địa phương để xem xét trường hợp sau cũng không thuộc đối tượng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo:

“Hộ gia đình có từ 02 nhân khẩu trở lên, trong đó có 02 thành viên trở lên trong độ tuổi lao động có sức khỏe tốt, không bệnh tật”.

Các hộ gia đình làm việc trong lĩnh vực nông phường theo quy định của pháp luật về cư trú có giấy đề nghị xác nhận hộ có mức sống trung bình.

2.2. Phạm vi rà soát

Thực hiện tại 07 tổ dân phố trên địa bàn toàn Phường.

III. PHƯƠNG PHÁP, QUY TRÌNH RÀ SOÁT

1. Phương pháp rà soát

Phương pháp rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo là phương pháp khảo sát thu thập thông tin của hộ gia đình để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo bảo đảm phù hợp với chuẩn nghèo theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;

Phương pháp xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình là phương pháp xác định thu nhập của hộ gia đình trong vòng 12 tháng trước thời điểm rà soát, không tính khoản trợ cấp hoặc trợ giúp xã hội từ ngân sách nhà nước vào thu nhập của hộ gia đình;

Phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình thực hiện theo hướng dẫn tại Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐTĐTBXH ngày 13/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Sử dụng ứng dụng (App) rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 (đã được nâng cấp, bổ sung một số trường thông tin và chức năng) để triển khai rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024.

2. Quy trình rà soát

Thực hiện theo quy định tại Điều 4 và Điều 6 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025.

3. Thời gian

Đối với rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo: Thực hiện từ ngày 15/9/2024 đến hết ngày 30/11/2024.

Đối với việc xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình: Tổ chức xác định mỗi tháng 01 lần, thực hiện từ ngày 15 hàng tháng (chỉ tổ chức xác định nếu trong tháng có giấy đề nghị xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình).

IV. THỜI GIAN, NỘI DUNG THỰC HIỆN

STT	Thời gian	Nội dung hoạt động
1	Từ ngày 08/9/2024 đến ngày 15/9/2024	- Xây dựng Kế hoạch chi tiết về rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn; - Tổ chức tuyên truyền, phổ biến; triển khai kế hoạch rà soát về thôn, tổ.
2	Từ ngày 15/9/2024 đến ngày 20/11/2024	- BCD phường tiến hành rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình theo đúng quy định hướng dẫn về phương pháp, quy trình và bộ công cụ rà soát; - Tổng hợp kết quả rà soát sơ bộ và báo cáo Ban chỉ đạo cấp huyện trước ngày 05/11/2024 ;

STT	Thời gian	Nội dung hoạt động
		- Tổng hợp kết quả rà soát chính thức và báo cáo Ban chỉ đạo cấp huyện trước ngày 20/11/2024 ;
3	Từ ngày 01/12/2024 đến ngày 20/12/2024	Tổng hợp, báo cáo kết quả xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn cho UBND cấp huyện trước ngày 20/12/2024
4	Từ ngày 15/9/2024 đến ngày 30/11/2024	Giám sát quá trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo được BCD phường chỉ đạo các tổ dân phố thực hiện từ khâu lập danh sách đối tượng cần rà soát đến việc thực hiện rà soát, công bố, ra quyết định công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn.

V. KINH PHÍ

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành, nguồn kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (Tiểu dự án 2 - Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình).

VI. BẢNG PHÂN CÔNG CÁC THÀNH VIÊN BAN CHỈ ĐẠO RÀ SOÁT HỘ NGHÈO, CẬN NGHÈO Ở CÁC TỔ NĂM 2024:

TT	TV BCD giảm nghèo	Địa bàn	Số ĐT
1	Bà Nguyễn Thị Xuyên	Phụ trách chung	
2	Ông Hoàng Xuân An	Phụ trách trực tiếp	
3	Châu Thị Diệu Hằng	Thanh Chũ	
4	Nguyễn Thị Đan Thanh	Cổ Bru	
5	Hà Thị Bích Hoa	Bồn Phỏ	
6	Nguyễn Đăng Nhân	An Lư	
7	Thái Mạnh Tiến	Bồn Trì	
8	Nguyễn Ngọc Huy	An Vân	
9	Nguyễn Ngọc Hoàng	An Hòa	

07 tổ trưởng TDP Chịu trách nhiệm việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023 theo đúng quy định hướng dẫn về phương pháp, quy trình và bộ công cụ rà soát

Ông: Nguyễn Đăng Sâm: Chịu trách nhiệm:

- Hướng dẫn nghiệp vụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo.
- Theo dõi, đốc thúc việc rà soát hộ nghèo, cận nghèo của các thành viên BVĐ và các tổ trưởng TDP.
- Tiếp nhận thông tin phản ánh, kiến nghị, tham mưu lãnh đạo UBND phường hướng giải quyết theo quy định.
- Nhập, xử lý thông tin, kết quả điều tra, tổng hợp báo cáo thành phố
- Cung cấp biểu mẫu, văn bản; tham mưu dự trù kinh phí.

Các thành viên phụ trách địa bàn các tổ dân phố phải thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các tổ triển khai công tác điều tra đúng kế hoạch; tham gia họp và chịu trách nhiệm trong công tác rà soát trong tổ dân phố phân công phụ trách.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Phổ biến, tuyên truyền mục đích, ý nghĩa, yêu cầu của công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình trên các phương tiện truyền thông; chủ động phát hiện hộ gia đình gặp khó khăn, biến cố rủi ro trong năm để hướng dẫn hộ gia đình đăng ký rà soát.

- Tổ chức thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn theo quy định.

- Sau khi có kết quả, Ban chỉ đạo báo cáo UBND phường trình UBND thành phố thẩm định và phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn. Khi có văn bản phê duyệt của UBND thành phố, Chủ tịch UBND phường công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo, hộ nghèo phát sinh, hộ cận nghèo phát sinh... trên địa bàn đồng thời ký giấy chứng nhận và cấp phát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo để làm cơ sở thực hiện chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội năm 2024.

- Tổ chức xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình khi nhận được giấy đề nghị của hộ gia đình.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc rà soát, quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình trên địa bàn.

- Lưu trữ toàn bộ hồ sơ rà soát và các mẫu, biểu tổng hợp để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát và các vấn đề liên quan khác.

Trên đây là Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2024 trên địa bàn phường.

Nơi nhận:

- Phòng LĐ - TB&XH;
- TT Đảng ủy;
- TT HĐND phường;
- CT, các PCT UBND phường;
- Thành viên BCD;
- Các TTTDP;
- Lưu: VT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Xuyên

